TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2021/DS-PT
Ngày: 22 – 6 – 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021-TLDS-PT, ngày 10 tháng 5 năm 2021. Về: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS - ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 124/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1982; cư trú tại: số nhà 900, tổ 13, ấp TT, xã TL, huyện Tân Biên, Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Từ, công tác tại Công ty Luật TNHH MTV Bảo Pháp, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 03, ấp TĐ 2, xã TL, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn Thuấn, sinh năm 1959; cư trú tại: Số 9, đường số 29, khu phố Long Thới, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 14-12-2020); có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị Th (nguyên đơn) trình bày:

Từ tháng 12-2017 đến năm 2018, bà Nguyễn Thị M có tên gọi khác là "bà Sáu" "Sáu Cà Rem", có tham gia góp hụi do chị làm chủ gồm 07 dây hụi (10 phần) loại hụi hưởng hoa hồng, bà M đã lĩnh 08 phần hụi, còn 02 phần hụi sống chưa lĩnh. Khi giao tiền lĩnh hụi cho bà M, chị tự tính số tiền hụi ghi ra mảnh giấy đưa kèm số tiền được lĩnh hụi sau khi trừ tiền hoa hồng. Các dây hụi bà M đã tham gia góp hụi cụ thể như sau:

1- Dây hụi 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 20 -12 - 2017 âm lịch (tức ngày 05-02-2018 dương lịch). Hụi gồm 26 phần, bà M tham gia góp 01 phần; đóng được 10.850.000 đồng. Đến kỳ thứ 9 tức ngày 20-8-2018 âm lịch thì lĩnh hụi (hốt hụi) 41.200.000 đồng; đóng lại được 03 kỳ hụi chết là 9.000.000 đồng, còn nợ 14 kỳ hụi chết số tiền 42.000.000 đồng.

2 - Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15-01-2018 âm lịch (tức ngày 02-3-2018 dương lịch). Hụi gồm 21 phần, bà M tham gia góp 01 phần, đã đóng được 1.950.000 đồng tiền hụi sống; đến kỳ hụi thứ 4 thì lĩnh hụi 12.800.000 đồng; đóng lại được 07 kỳ hụi chết là 7.000.000 đồng, còn nợ 09 kỳ hụi chết số tiền 9.000.000 đồng.

3- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15-01-2018 âm lịch (tức ngày 02-3-2018 dương lịch). Hụi gồm 21 phần, bà M tham gia góp 01 phần, đã đóng được 700.000 đồng tiền hụi sống; đến kỳ hụi thứ 2 thì lĩnh hụi được số tiền 12.760.000 đồng; đóng lại được 09 kỳ hụi chết là 9.000.000 đồng, còn nợ 09 kỳ hụi chết số tiền 9.000.000 đồng.

4- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 10-3-2018 âm lịch (tức ngày 25-4-2018 dương lịch). Hụi gồm 26 phần, bà M tham gia 02 phần:

+ Phần hụi thứ nhất đóng được 02 kỳ hụi sống là 2.480.000 đồng, đến kỳ hụi thứ 3 thì lĩnh hụi được số tiền 30.270.000 đồng; đóng lại được 07 kỳ hụi chết là 14.000.000 đồng.

+ Phần hụi thứ hai đóng được 04 kỳ hụi sống là 4.610.000 đồng, đến kỳ hụi thứ 5 thì lĩnh hụi được số tiền 25.040.000 đồng; đóng lại được 05 kỳ hụi chết là 10.000.000 đồng.

Từ kỳ thứ 11 bà M chưa đóng, còn nợ mỗi phần là 16 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000 đồng = 16 kỳ x (2.000.000 đồng x 02 phần) = 64.000.000 đồng.

5 - Dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 30-4-2018 âm lịch (tức ngày 13-6-2018 dương lịch). Hụi gồm 20 phần, bà M tham gia góp 01 phần, đã đóng được 1.590.000 đồng tiền hụi sống; đến kỳ hụi thứ 2 thì lĩnh hụi được số tiền 28.260.000 đồng; đóng lại hụi chết được 06 kỳ là 18.000.000 đồng. Còn nợ 12 kỳ hụi chết số tiền 36.000.000 đồng.

6 - Dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 30-4-2018 âm lịch (tức ngày 13-6-2018 dương lịch). Hụi gồm 19 phần, bà M tham gia góp 01 phần; đóng được 04 kỳ hụi sống với số tiền 5.540.000 đồng, đến kỳ thứ 5 lĩnh hụi được 33.900.000 đồng; đã đóng hụi chết được 03 kỳ 9.000.000 đồng. Còn nợ 11 kỳ hụi chết 33.000.000 đồng.

7 - Dây hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 05-10-2018 âm lịch (tức ngày 11-11-2018 dương lịch). Hụi gồm 22 phần, bà M tham gia góp 03 phần:

+ Phần thứ nhất, lĩnh hụi ở kỳ đầu tiên được số tiền 33.450.000 đồng; đã đóng lại được 02 kỳ hụi chết là 6.000.000 đồng, Còn nợ 19 kỳ hụi chết 57.000.000 đồng.

+ 02 phần hụi còn lại chưa lĩnh, bà M đã đóng được mỗi phần 03 kỳ, số tiền là 9.000.000 đồng x 02 phần = 18.000.000 đồng, sau khi khấu trừ phần trên còn nợ tiền hụi dây này là 57.000.000 đồng – 18.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi bà M còn nợ chị là 42.000.000 + 9.000.000 + 9.000.000 + 64.000.000 + 36.000.000 + 33.000.000 +39.000.000 = 232.000.000 đồng. Ngoài ra, chị Th có nợ lại bà M tiền vay là 20.700.000 đồng, khấu trừ vào tiền hụi còn lại 211.300.000 đồng, chị không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M (bị đơn) và người đại diện hợp pháp của bà M trình bày:

Bà M không tham gia góp hụi do chị Th làm chủ thảo hụi. Danh sách hụi viên chị Th cung cấp cho Tòa án không rõ, bà không ký tên. Toàn bộ đều là giấy tờ của chị Th tự ghi, bút tích đều của chị Th. Do vậy bà M không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS - ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, đã quyết định:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th về "Tranh chấp dân sự hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền 89.960.000 đồng. Ghi nhận chị Th không tính tiền lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Th đối với số tiền 121.340.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12-4-2021, bà M kháng cáo: Không đồng ý bản án sơ thẩm cho rằng trong dây hụi số 07, số tiền 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05-10-2018 (âm lịch) bà có tham gia góp 02 phần và chưa hốt nhưng nguyên đơn khai bà chơi 03 phần, đã hốt một phần số tiền 33.450.000 đồng là không đúng. Đề nghị khấu trừ số tiền 33.450.000 đồng trong tổng số 89.960.000 đồng = 56.510.000 đồng, khấu trừ số tiền chị Th vay của bà 20.700.000 đồng, bà còn phải trả cho chị Th số tiền 35.810.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông Thuấn (đại diện cho bà M) trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà M, cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà Th, sổ sách bà Th tự ghi là thiếu căn cứ, các nhân chứng không trình bày rõ dây hụi này, giấy hụi ghi bà Trang hốt đầu tiên, tại phiên tòa chị Th nói bà M hốt đầu tiên, không có chứng cứ giao tiền. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa án sơ thẩm.

- Luật sư Từ trình bày tranh luận: Suốt quá trình xét xử sơ thẩm, bà M không thừa nhận tham gia góp hụi với chị Th, tại phiên tòa phúc thẩm mới thừa nhận nên lời trình bày của bà M không trung thực, lời trình bày của chị Th là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ 02 giấy hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui ngày 05-10-2018 (âm lịch) bà M tham gia 02 hay 03 phần. Tại phiên tòa chị Th không chứng minh được số nợ của dây hụi này là bao nhiêu nên chấp nhận lời thừa nhận của bị đơn là có cơ sở. Căn cứ Điều 309 của của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị Đỗ Thị Th khởi kiện bà Nguyễn Thị M cho rằng bà M tham gia góp hụi nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên, lĩnh hụi không đóng hụi chết, số tiền hụi bà M còn nợ là 232.000.000 đồng, yêu cầu bà M trả nợ. Bà M không thừa nhận nợ chị Th.

[3]. Xét kháng cáo của bà M thấy rằng:

[3.1]. Về chứng cứ:

Tại cấp sơ thẩm, bà M không thừa nhận có chơi hụi với chị Th, không thừa nhận tên "bà Sáu" trong giấy hụi do nguyên đơn cung cấp. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20-5-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, bà M thừa nhận có tham gia góp hụi do chị Th làm chủ thảo, tên "bà Sáu" trong giấy hụi do chị Th cung cấp chính là tên gọi khác của bà, thừa nhận 06 dây hụi (từ dây hụi 01 – 06) và các lần đóng hụi sống, hụi chết như lời trình bày của chị Th là đúng, chỉ tranh chấp dây hụi

số 07 khui ngày 05-10-2018 (âm lịch), bà cho rằng chỉ tham gia 02 phần và chưa lĩnh hụi nhưng chị Th khai bà tham gia 03 phần, lĩnh hụi 01 phần là không đúng. Cấp sơ thẩm xác định bà M có tham gia hợp đồng góp hụi với chị Th 07 dây hụi là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ dây số 07 khui ngày 05-10-2018 (âm lịch), cụ thể: Tên "bà Sáu" trong giấy hụi tham gia 02 phần hay 03 phần, chứng cứ Th thập được trong hồ sơ thể hiện có hai giấy hụi dây số 07 cùng ngày 05-10-2018 (âm lịch), cùng số tiền 3.000.000 đồng, nhưng một giấy ghi "bà Sáu" tham gia 02 phần số thứ tự "5, 6" và một giấy ghi "bà Sáu" tham gia 03 phần số thứ tự "6, 7, 8". Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th thừa nhận hai giấy hụi trên là một dây nhưng giấy ghi "bà Sáu" tham gia 03 phần là đúng, còn giấy ghi "bà Sáu" tham gia 02 phần là giấy nháp. Nhận thấy, giấy hụi số 07 do chị Th tự viết, không có bút tích của bà M, không có chứng cứ giao tiền lĩnh hụi, bà M không thừa nhận dây hụi này bà tham gia 03 phần, chị Th cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh bà M tham gia dây hụi (số 07) 03 phần và đã lĩnh hụi một phần như lời chị Th trình bày. Do đó, chỉ chấp nhận lời thừa nhận của bà M có tham gia 02 phần trong dây hụi số 07, đã đóng hụi sống được 18.000.000 đồng và chưa lĩnh hụi là có căn cứ. Cấp sơ thẩm xác định bà M lĩnh hụi 01 phần trong dây hụi số 07 số tiền 33.450.000 đồng là thiếu cơ sở.

[3.2]. Về nghĩa vụ thanh toán: Chị Th trình bày tất cả các dây hụi nêu trên đều bị vỡ kể từ thời điểm bà M và nhiều người khác vi phạm nghĩa vụ góp hụi, chị phải thương lượng hoàn trả lại tiền vốn góp hụi cho các thành viên tham gia. Do đó, bà M phải trả tiền vốn đã lĩnh hụi (sau khi trừ tiền đóng hụi sống, hụi chết) cho chị Th trên cơ sở lời thừa nhận của chị Th là phù hợp. Số tiền bà M phải trả được tính lại như sau:

- Dây hụi 1, bà M trả cho chị Th số tiền 21.350.000 đồng;

- Dây hụi 2, bà M trả số tiền 3.850.000 đồng.

- Dây hụi 3, bà M trả số tiền 3.060.000 đồng.

- Dây hụi 4, bà M trả số tiền 24.220.000 đồng.

- Dây hụi 5, bà M trả số tiền 8.670.000 đồng.

- Dây hụi 6 bà M trả số tiền 19.360.000 đồng.

- Dây hụi 7, chị Th phải trả lại cho bà M số tiền 18.000.000 đồng.

Như vậy, bà M có nghĩa vụ trả cho chị Th tổng số nợ của dây hụi từ số 01 đến dây hụi số 06 và khấu trừ số tiền hụi sống của dây hụi số 07. Cụ thể: (21.350.000 đồng + 3.850.000 đồng + 3.060.000 đồng + 24.220.000 đồng + 8.670.000 đồng + 19.360.000 đồng) – 18.000.000 đồng = 62.510.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc bà M

phải trả cho chị Th số tiền 89.960.000 đồng là không đúng, kháng cáo của bà M là có căn cứ.

[3.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm; buộc bà M phải trả cho chị Th tổng số tiền của 07 dây hụi là 62.510.000 (sáu mươi hai triệu năm trăm mười nghìn) đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị Th đòi bà M trả thêm số tiền hụi là 169.490.000 đồng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Ngoài ra, bà M trình bày: Chị Th có nợ bà số tiền vay là 20.700.000 (hai mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng, yêu cầu khấu trừ khoản tiền này vào nợ hụi, chị Th xác nhận đúng. Tuy nhiên, bà M không có phản tố khấu trừ nghĩa vụ, cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, trong vụ án này chỉ giải quyết hợp đồng góp hụi. Do đó, khoản tiền vay nêu trên các đương sự tự thương lượng giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/QH;

- Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 169.490.000 đồng x 5% = 8.474.500 đồng.

- Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 62.510.000 đồng x 5% = 3.125.500 đồng.

[7]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà M không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/QH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS - ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; quy định về "Hụi, họ, biêu,

phường"; khoản 4 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng góp hụi" của chị Đỗ Thị Th về đối với bà Nguyễn Thị M.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền 62.510.000 (sáu mươi hai triệu năm trăm mười nghìn) đồng. Ghi nhận chị Th không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Th đòi bà Nguyễn Thị M trả thêm số tiền hụi là 169.490.000 (một trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đỗ Thị Th phải chịu số tiền 8.474.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 5.535.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo Biên lai thu số 0004751 ngày 01-12-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị Th còn phải nộp số tiền 2.939.500 (hai triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 3.125.500 (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M không phải chịu; hoàn trả cho bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0005089 ngày 12-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm